CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

Tổng CTCP Bưu chính Viettel

Ngày 30/09/2025	98,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.3%	-	-

DT thuần
Q3/25
4,928
tỷ VNĐ
QoQ: ▼53.0| -1.1%
YoY: ▼502| -9.2%

LN thuần
Q3/25
107
tỷ VNĐ
QoQ: ▼18.0| -14.7%
YoY: ▼27.0| -20.4%

LN sau thuế
Q3/25
85.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.7| -12.0%
YoY: ▼21.7| -20.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
2.6%
YoY: +/-▼ 0.2%

ROE (TTM)
Q3/25
23.6%
YoY: +/-▼ 1.1%

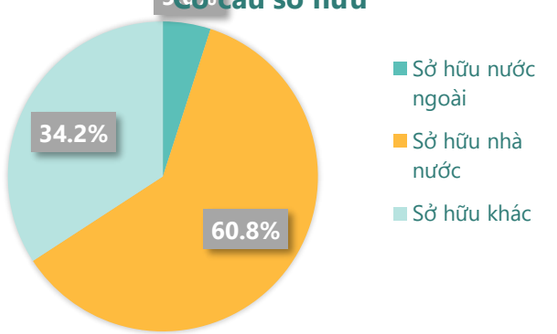
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	74,952 - 168,098
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	11,959
Số lượng CPLH (CP)	121,783,042
KLGD BQ 20 phiên (CP)	495,985
Sở hữu nước ngoài	5.0%
Beta	1.05
EPS	3,137
P/E	31.3

DT thuần
9T 2025
14,951
tỷ VNĐ
YoY: ▼98.0| -0.6%

LN thuần
9T 2025
321
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.00| 1.2%

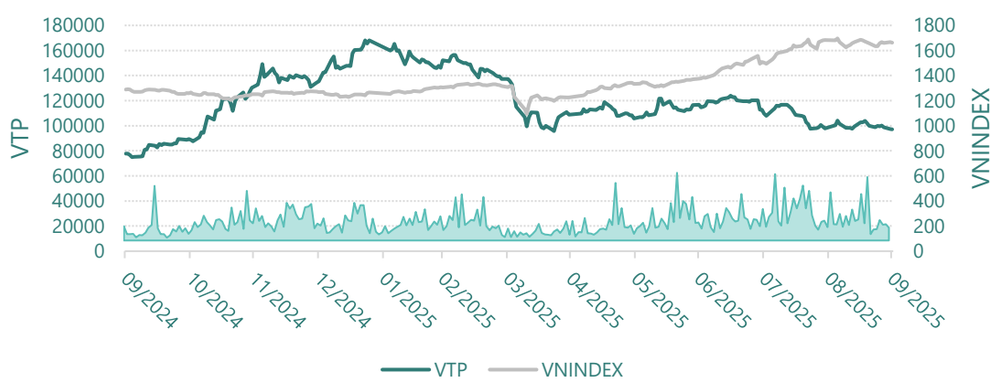
LN sau thuế
9T 2025
252
tỷ VNĐ

Cơ cấu sở hữu

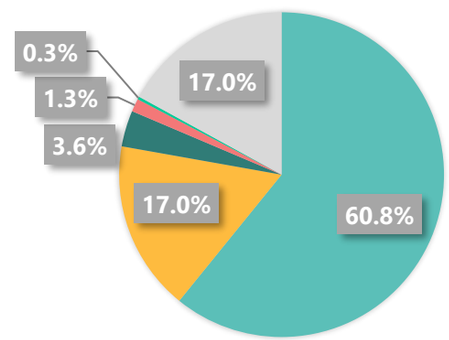


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

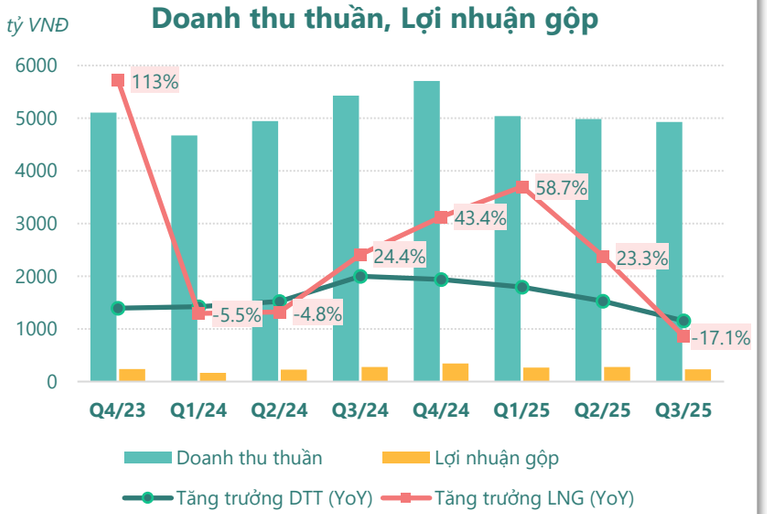


- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn Thông Quân đội
- Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital
- Quỹ Đầu tư Japan Asia MB Capital
- Công đoàn cơ sở Tổng Công ty cổ phần Bưu chính Viettel
- Trần Trung Hưng
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

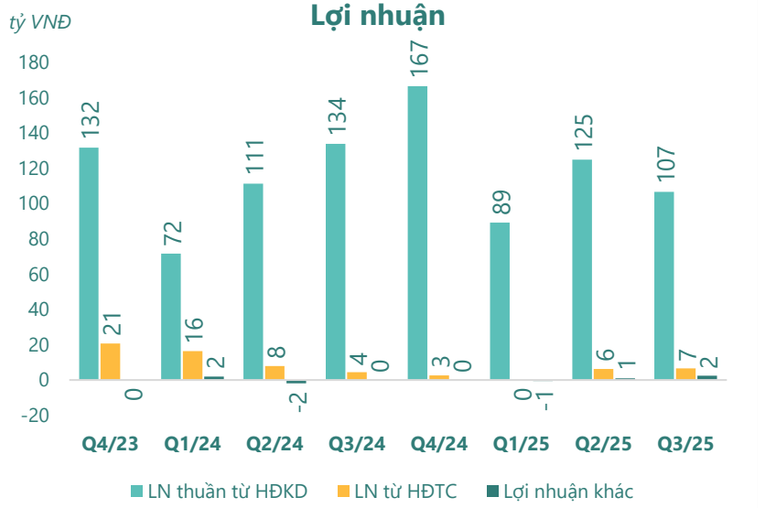
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



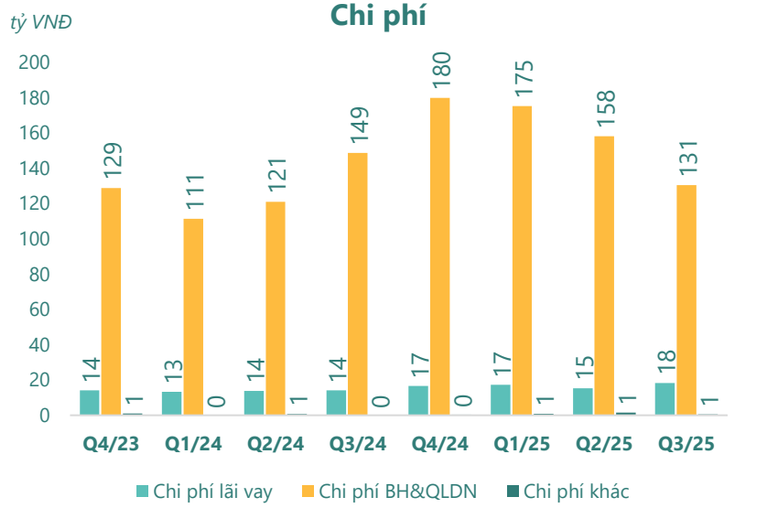
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



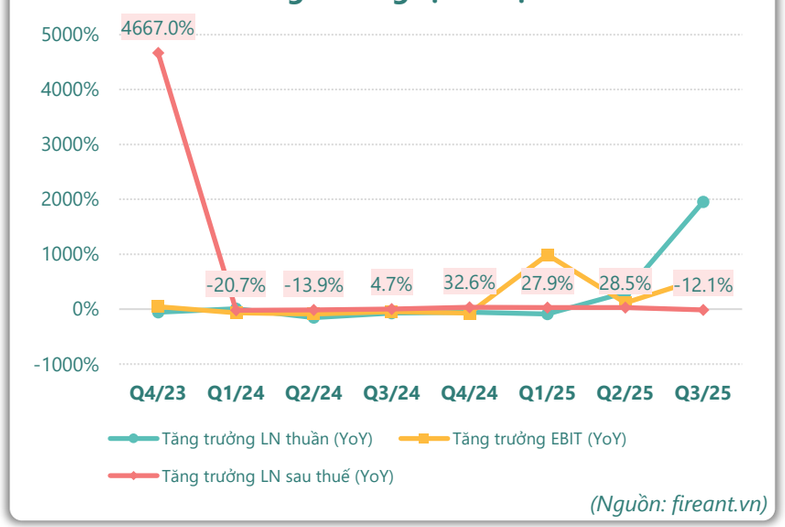
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



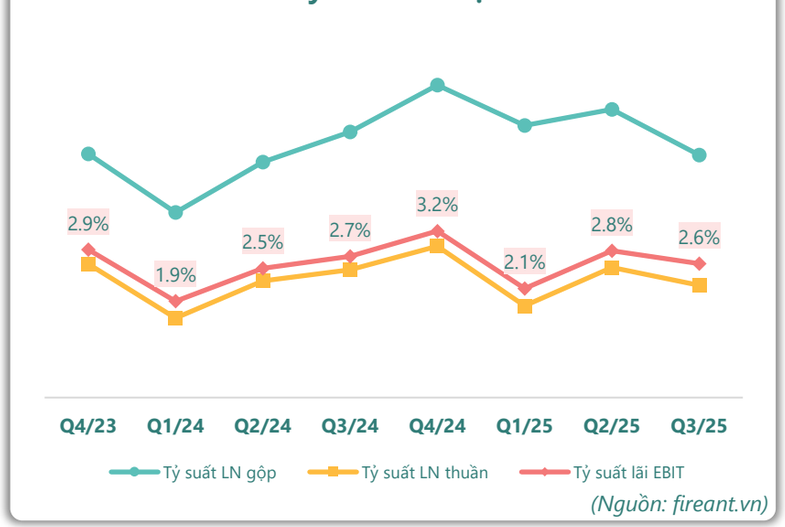
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



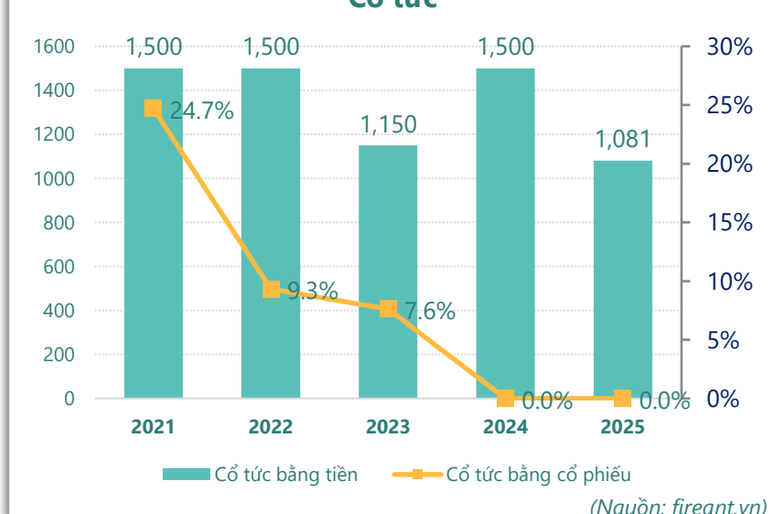
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

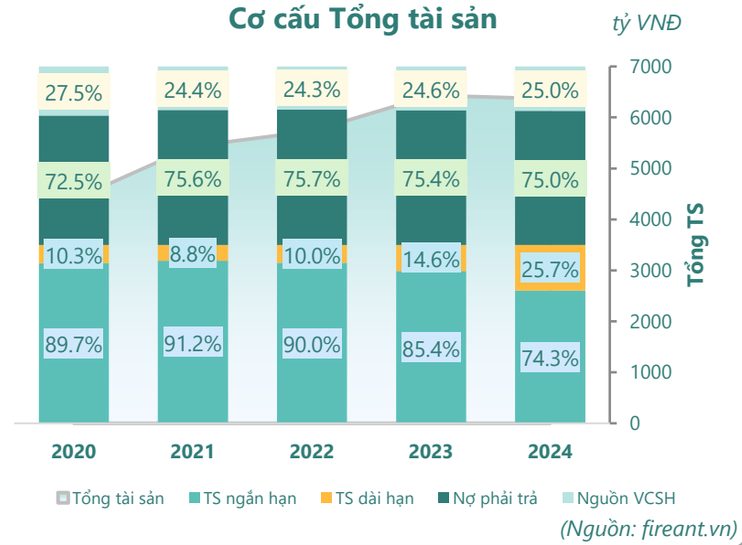
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

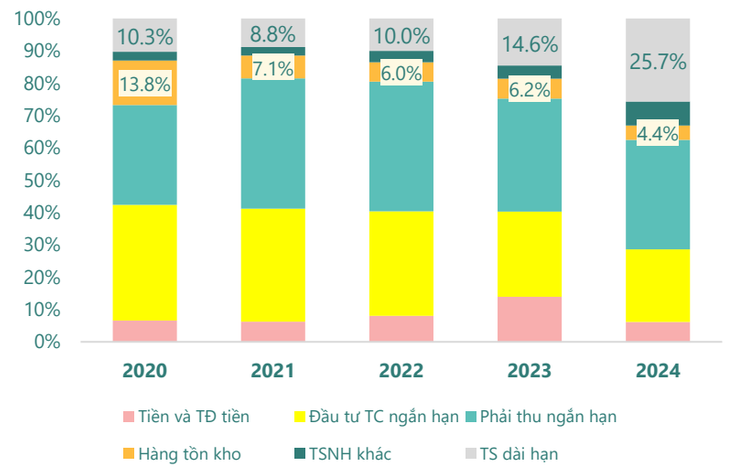
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



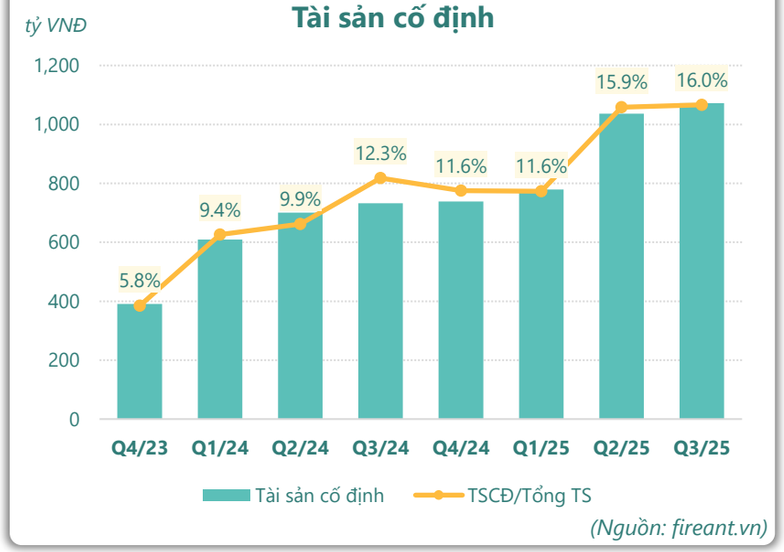
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



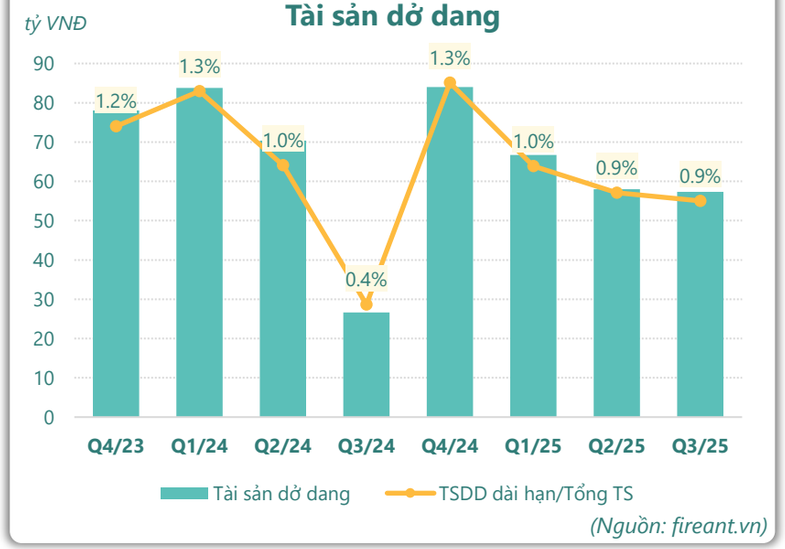
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



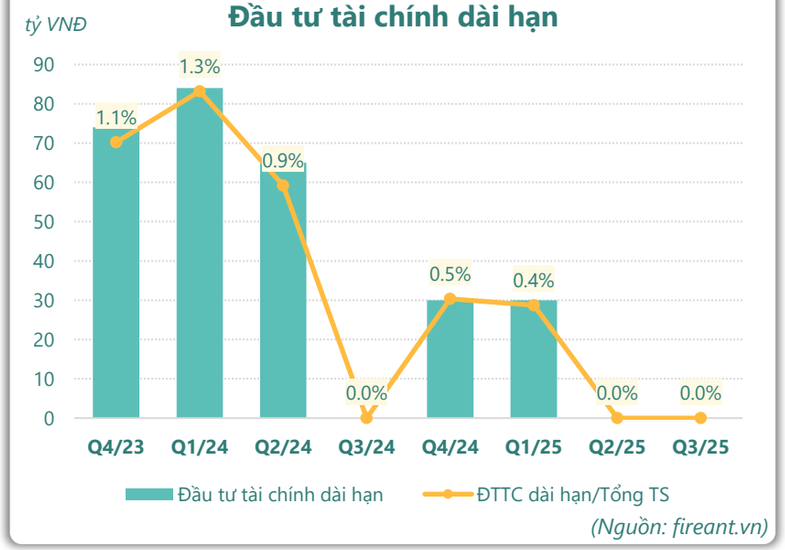
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



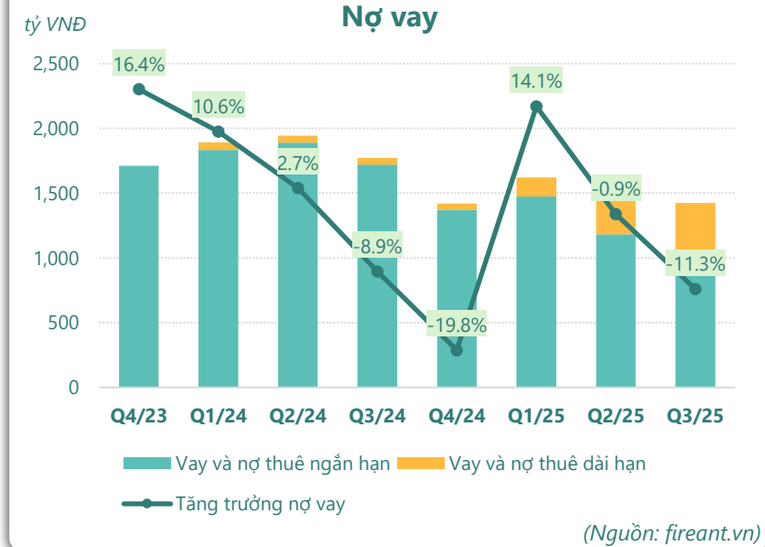
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

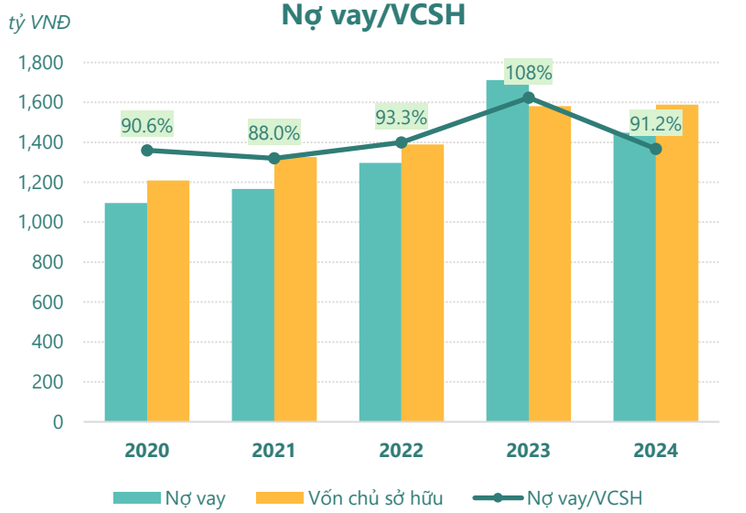
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

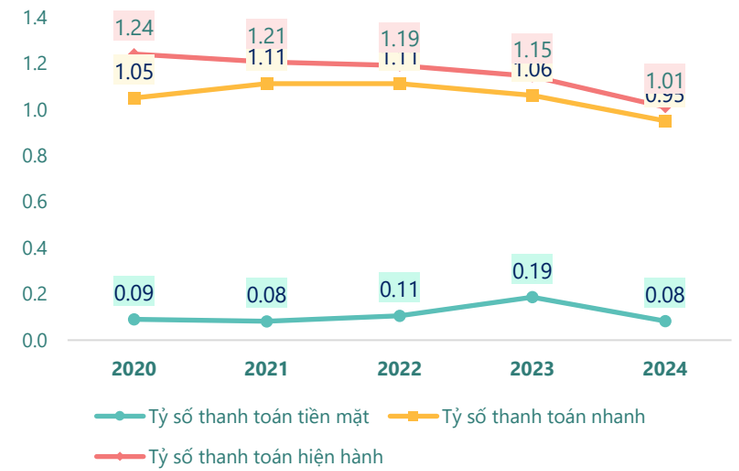
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



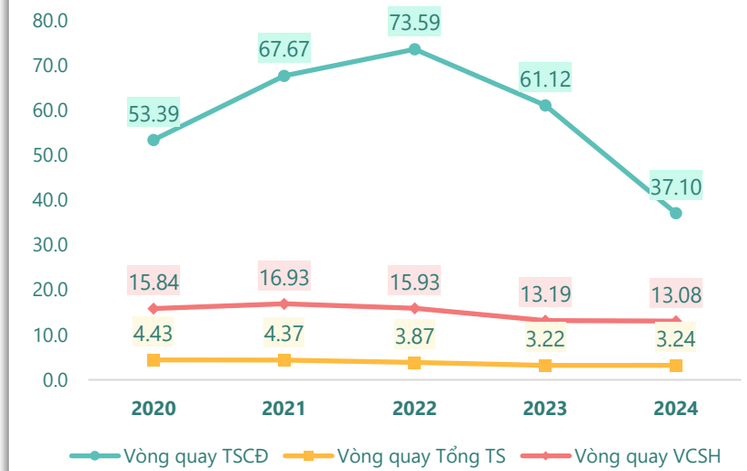
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



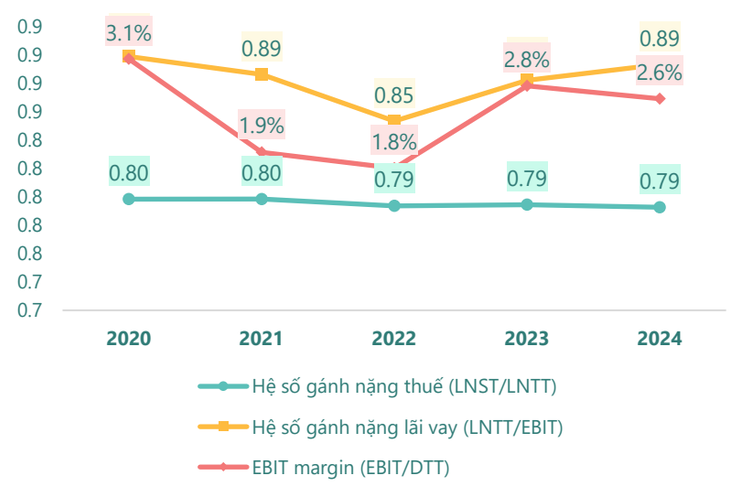
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



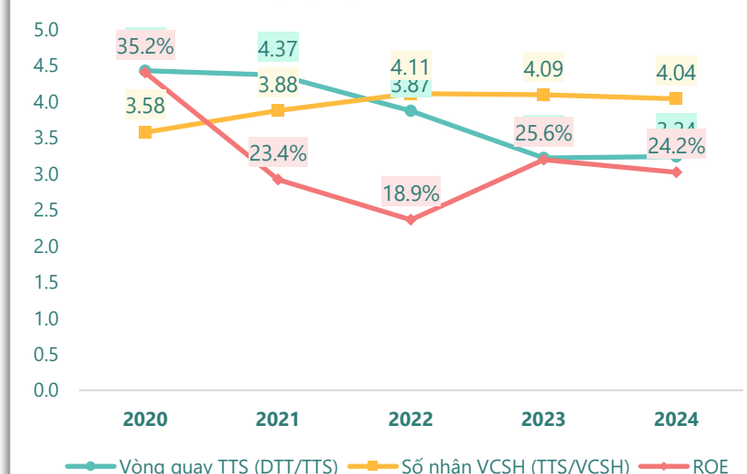
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



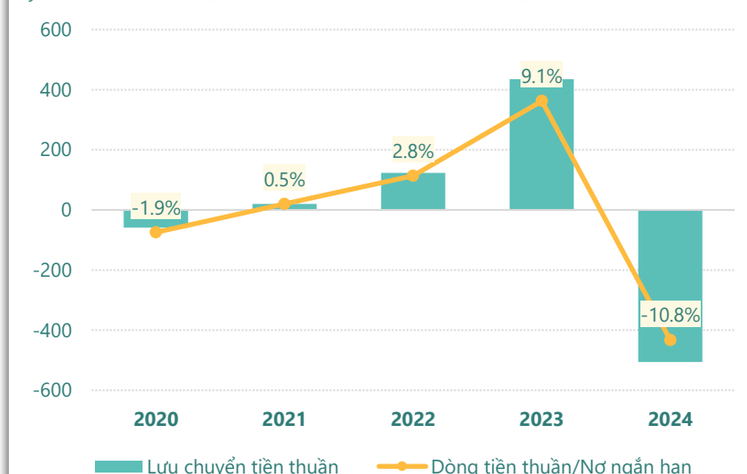
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**4,928**	**5,430**	**-9.2%**	**14,951**	**15,049**	**-0.6%**
Giá vốn hàng bán	4,698	5,152	-8.8%	14,179	14,379	-1.4%
Lợi nhuận gộp	231	278	-17.1%	772	669	15.3%
Doanh thu HĐTC	26.0	19.1	36.3%	67.0	70.4	-4.9%
Chi phí TC	19.4	14.7	32.3%	54.3	41.9	29.7%
Chi phí lãi vay	18.3	14.1	30.0%	50.9	41.2	23.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	27.7	29.6	-6.5%	76.6	70.1	9.2%
Chi phí QLDN	**103**	**119**	**-13.6%**	**387**	**311**	**24.6%**
LN thuần từ HĐKD	107	134	-20.4%	321	317	1.2%
Lợi nhuận khác	**2.37**	**0.06**	**3854%**	**2.71**	**0.11**	**2444%**
LN trước thuế	109	134	-18.6%	324	317	2.1%
Lợi nhuận sau thuế	**85.3**	**107**	**-20.2%**	**252**	**252**	**-0.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**85.3**	**107**	**-20.2%**	**252**	**252**	**-0.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-148	-326	585	145	61.4	612
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	123	26.9	-36.4	-141	-225	-228
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	51.6	-173	-531	172	-15.0	-182
Tiền đầu kỳ	796	823	351	390	566	390
Lưu chuyển tiền thuần	**25.8**	**-471**	**17.2**	**177**	**-178**	**202**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.79	-0.93	0.20	0.05	1.39	-1.06
Tiền cuối kỳ	823	351	368	566	390	591

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**6,703**	**6,364**	**5.3%**
Tài sản ngắn hạn	4,755	4,728	0.6%
Tiền và tương đương tiền	591	390	51.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,674	1,430	17.0%
Phải thu ngắn hạn	1,873	2,157	-13.2%
Hàng tồn kho	259	279	-7.4%
Tài sản ngắn hạn khác	358	472	-24.1%
Tài sản dài hạn	**1,948**	**1,635**	**19.1%**
Phải thu dài hạn	369	346	6.6%
Tài sản cố định	1,072	745	43.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	57.3	75.0	-23.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	30.0	-100%
Tài sản dài hạn khác	**449**	**439**	**2.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,955	4,775	3.8%
Nợ ngắn hạn	**4,452**	**4,676**	**-4.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	954	1,376	-30.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	631	661	-4.5%
Nợ dài hạn	503	99.0	408%
Vay và nợ thuê dài hạn	469	72.5	548%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,748**	**1,588**	**10.0%**
Vốn chủ sở hữu	**1,748**	**1,588**	**10.0%**
Vốn điều lệ	1,218	1,218	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)